

QUY ĐỊNH

Một số chính sách hỗ trợ đối với công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 05/2026/NQ-HĐND ngày 16 tháng 04 năm 2026
của Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định một số chính sách hỗ trợ đối với công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đối tượng 1

Trường hợp đang công tác hoặc nghỉ hưu là:

a) Ủy viên Trung ương Đảng chính thức;

b) Bí thư Tỉnh ủy;

c) Phó Bí thư Tỉnh ủy; Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;

d) Trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;

đ) Trường hợp có chức danh tương đương các chức danh quy định tại điểm a, b, c, d khoản 1 Điều này công tác ở cơ quan Trung ương đã nghỉ hưu đang thường trú và sinh sống trên địa bàn tỉnh.

2. Đối tượng 2

Trường hợp đang công tác hoặc nghỉ hưu là:

a) Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh; Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; Phó trưởng Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;

b) Nguyên Ủy viên Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh (theo Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003);

c) Sĩ quan lực lượng vũ trang có quân hàm cấp tướng;

d) Cán bộ lão thành cách mạng (người hoạt động cách mạng trước ngày 01 tháng 01 năm 1945); cán bộ tiền khởi nghĩa (người hoạt động cách mạng từ ngày 01 tháng 01 năm 1945 đến ngày khởi nghĩa tháng Tám năm 1945); Bà mẹ Việt Nam anh hùng;

đ) Trường hợp có chức danh tương đương các chức danh quy định tại điểm a, c khoản 2 Điều này công tác ở cơ quan Trung ương đã nghỉ hưu đang thường trú và sinh sống trên địa bàn tỉnh.

3. Đối tượng 3

Trường hợp đang công tác hoặc nghỉ hưu là:

- a) Ủy viên Ban Chấp hành đảng bộ tỉnh;
- b) Cấp trưởng các cơ quan tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp Tỉnh ủy;
- c) Cấp trưởng cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh;
- d) Cấp trưởng các ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh;
- đ) Cấp trưởng đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh;
- e) Phó Chủ tịch Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- g) Phó Chủ tịch Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là Trưởng tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh;
- h) Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh;
- i) Trưởng các cơ quan, đơn vị lực lượng vũ trang cấp tỉnh;
- k) Nguyên Bí thư các Huyện ủy, Thành ủy, Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy;
- l) Anh hùng Lực lượng vũ trang Nhân dân; Anh hùng Lao động; Nhà giáo nhân dân, Thầy thuốc nhân dân; Nghệ sĩ nhân dân; Nghệ nhân nhân dân;
- m) Trường hợp có chức danh tương đương các chức danh quy định tại điểm a, b, c, d, đ, e, g, h, i khoản 3 Điều này công tác ở cơ quan Trung ương đã nghỉ hưu đang thường trú và sinh sống trên địa bàn tỉnh.

4. Đối tượng 4

Trường hợp đang công tác hoặc nghỉ hưu là:

- a) Thư ký các đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy.
- b) Trưởng Thuế tỉnh Lạng Sơn, Trưởng Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn, Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh Lạng Sơn, Trưởng Thống kê tỉnh Lạng Sơn;
- c) Cấp phó các cơ quan tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp Tỉnh ủy;
- d) Cấp phó cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh;
- đ) Cấp phó các ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Phó Chánh Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh;
- e) Cấp phó đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh;

g) Phó Bí thư chuyên trách Đảng bộ các cơ quan Đảng tỉnh, Đảng bộ Ủy ban nhân dân tỉnh (không là Ủy viên Ban Thường vụ, Ủy viên Ban Chấp hành đảng bộ tỉnh);

h) Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, cấp phó các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;

i) Chi cục trưởng Hải quan khu vực VI;

k) Phó Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Phó Chánh án Tòa án nhân dân tỉnh;

l) Cấp trưởng các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ cấp tỉnh được giao biên chế;

m) Bí thư đảng ủy xã, phường (từ ngày 01/7/2025);

n) Nguyên Cục trưởng và tương đương;

o) Phó trưởng cơ quan, đơn vị lực lượng vũ trang cấp tỉnh;

p) Nguyên Phó Bí thư các Huyện ủy, Thành ủy, Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp huyện, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện;

q) Nguyên Trưởng các cơ quan quản lý nhà nước ngành dọc Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh (trước ngày 01/7/2025);

r) Nhà giáo ưu tú; Thầy thuốc ưu tú; Nghệ sĩ ưu tú; Nghệ nhân ưu tú; cán bộ, công chức, viên chức có học vị tiến sĩ, Bác sỹ chuyên khoa cấp II; Dược sỹ chuyên khoa cấp II.

5. Đối tượng 5

Trường hợp đang công tác hoặc nghỉ hưu là:

a) Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy;

b) Phó Trưởng Thuế tỉnh Lạng Sơn, Phó Trưởng Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn, Phó Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh Lạng Sơn, Phó Trưởng Thống kê tỉnh Lạng Sơn;

c) Nguyên Ủy viên Ban Thường vụ Huyện ủy, Thành ủy, Đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy;

d) Nguyên Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện;

đ) Nguyên Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp huyện, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện;

e) Nguyên Phó cục trưởng và tương đương;

g) Phó Bí thư đảng ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường (từ ngày 01/7/2025);

h) Nguyên Phó trưởng các cơ quan quản lý nhà nước ngành dọc Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh (trước ngày 01/7/2025).

6. Đối tượng 6

Trường hợp đang công tác là:

- a) Ủy viên Ban Thường vụ chuyên trách Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh, Đảng ủy Ủy ban nhân dân tỉnh;
- b) Cấp phó Chi cục Hải quan khu vực VI;
- c) Cấp trưởng phòng thuộc các cơ quan tham mưu, giúp việc, đơn vị sự nghiệp Tỉnh ủy;
- d) Cấp trưởng phòng thuộc cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh;
- đ) Cấp trưởng phòng thuộc Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh;
- e) Chi cục trưởng thuộc Sở;
- g) Cấp Trưởng phòng thuộc đơn vị sự nghiệp trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh;
- h) Cấp trưởng đơn vị, cấp trưởng đơn vị sự nghiệp thuộc Sở, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- i) Cấp trưởng cơ quan khu vực thuộc tỉnh;
- k) Phó Trưởng Ban Tiếp công dân tỉnh; Phó Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh; Chủ tịch Công ty do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thuộc UBND tỉnh;
- l) Ủy viên Ban Thường vụ các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- m) Cấp phó các hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ cấp tỉnh được giao biên chế;
- n) Ủy viên Ban Thường vụ đảng ủy, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường (từ ngày 01/7/2025);
- o) Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, phường (từ ngày 01/7/2025);
- p) Trưởng phòng và tương đương của các cơ quan, đơn vị lực lượng vũ trang cấp tỉnh;
- q) Cán bộ, công chức, viên chức ngạch chuyên viên chính và tương đương có bậc lương từ bậc 4 trở lên đối với nam, từ bậc 3 trở lên đối với nữ;
- r) Thương binh có tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 61% trở lên.

7. Cán bộ, công chức, viên chức làm nhiệm vụ bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ trên địa bàn tỉnh.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng

1. Người đang công tác đảm nhiệm nhiều chức vụ hoặc thuộc nhiều đối tượng tại Điều 2 Quy định này thì chỉ được hưởng chế độ, chính sách ở mức cao nhất mà người đó được hưởng.

2. Cán bộ, công chức, viên chức tại thời điểm nghỉ hưu giữ chức vụ nào thì hưởng chính sách của chức vụ đó.

3. Ủy viên Trung ương Đảng dự khuyết đang đảm nhiệm vị trí công tác nào thì được xác định đối tượng và hưởng các chính sách theo chức vụ đang công tác.

4. Trường hợp người có chức vụ thuộc Điều 2 Quy định này bị kỷ luật bằng hình thức buộc thôi việc; bị cách chức, miễn nhiệm (chức vụ trong Đảng, chính quyền); vi phạm pháp luật bị phạt tù; hoặc bị khai trừ ra khỏi Đảng khi đang công tác hoặc sau khi đã nghỉ hưu thì không được hưởng chế độ, chính sách bảo vệ, chăm sóc sức khỏe theo Quy định này kể từ ngày quyết định kỷ luật, quyết định xử lý vi phạm có hiệu lực pháp luật.

5. Các đối tượng đã được Ban bảo vệ và chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh cấp thẻ khám bệnh, chữa bệnh trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực, nhưng không thuộc các đối tượng tại Điều 2 Quy định này thì được hưởng chế độ tại Điều 5 Quy định này.

Chương II **CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ**

Điều 4. Chế độ hỗ trợ thăm hỏi khi điều trị nội trú tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (bệnh viện, trung tâm y tế)

1. Mức hỗ trợ đối với Đối tượng 1: 1.500.000 đồng/người/lần và không quá 03 lần/năm.

2. Mức hỗ trợ đối với Đối tượng 2: 1.000.000 đồng/người/lần và không quá 03 lần/năm.

3. Mức hỗ trợ đối với Đối tượng 3: 800.000 đồng/người/lần và không quá 02 lần/năm.

4. Mức hỗ trợ đối với Đối tượng 4 và Đối tượng 5: 600.000 đồng/người/lần và 01 lần/năm.

Điều 5. Chế độ hỗ trợ tiền ăn khi đi điều trị nội trú tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (bệnh viện, trung tâm y tế)

1. Đối tượng áp dụng: Đối tượng 1, Đối tượng 2, Đối tượng 3, Đối tượng 4, Đối tượng 5, Đối tượng 6.

2. Mức hỗ trợ: 190.000 đồng/ngày/người.

3. Thời gian hỗ trợ: theo thực tế số ngày điều trị nội trú tại các cơ sở khám, chữa bệnh nhưng tối đa không quá 30 ngày/năm.

Điều 6. Chế độ điều dưỡng, phục hồi sức khỏe tại các cơ sở điều dưỡng

1. Đối tượng áp dụng: Đối tượng 1, Đối tượng 2, Đối tượng 3, Đối tượng 4, Đối tượng 5.

2. Mức hỗ trợ: 470.000 đồng/ngày/người.
3. Số lượng điều dưỡng hàng năm: do Ban Tổ chức Tỉnh ủy phân bổ chỉ tiêu.
4. Cơ sở điều dưỡng: Trung tâm Điều dưỡng người có công trực thuộc Sở Nội vụ và các cơ sở điều dưỡng khác do cấp có thẩm quyền quyết định.
5. Thời gian điều dưỡng: 05 - 10 ngày/01 lần/năm (không kể thời gian đi và về).
6. Các đối tượng tại khoản 1 Điều này sau điều trị tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trong tỉnh có nhu cầu điều dưỡng, phục hồi sức khỏe do Ban Tổ chức Tỉnh ủy xem xét, quyết định.

Điều 7. Chế độ hỗ trợ viện phí khi khám bệnh, chữa bệnh tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh (bệnh viện, trung tâm y tế)

1. Đối tượng áp dụng: Đối tượng 1, Đối tượng 2, Đối tượng 3.
2. Mức hỗ trợ: 100% chi phí người bệnh cùng chi trả theo quy định của Luật Bảo hiểm y tế.

Điều 8. Chế độ điều dưỡng ngoại trú

1. Điều dưỡng tại nhà
 - a) Đối tượng áp dụng: Đối tượng 1, Đối tượng 2, Đối tượng 3 do tuổi cao, sức yếu, ốm nặng không đi điều dưỡng tại các cơ sở điều dưỡng được;
 - b) Mức hỗ trợ: 230.000 đồng/ngày/người;
 - c) Thời gian điều dưỡng: 10 ngày/lần/năm.
2. Điều dưỡng ngoài tỉnh
 - a) Đối tượng 1 (đã nghỉ hưu)
 - Mức hỗ trợ: không quá 10.000.000 đồng/người/đợt (ngoài kinh phí do Trung ương chi trả, bao gồm: xe đưa đón, xăng xe, tiền ăn, tiền ngủ và các chi phí phát sinh khác);
 - Thời gian điều dưỡng: thực hiện theo kế hoạch điều dưỡng hàng năm của Ban Tổ chức Trung ương.
 - b) Đối tượng 2 (đã nghỉ hưu)
 - Mức hỗ trợ: theo chi phí thực tế nhưng không quá 15.000.000 đồng/người/đợt (bao gồm: xe đưa đón, xăng xe, tiền ăn, tiền ngủ và các chi phí phát sinh khác);
 - Thời gian điều dưỡng: 10 ngày/lần;
 - Số lần điều dưỡng: 02 năm/lần theo kế hoạch điều dưỡng của Ban Tổ chức Tỉnh ủy.

Điều 9. Chế độ hỗ trợ chữa bệnh đối với đối tượng mắc bệnh hiểm nghèo

1. Danh mục bệnh hiểm nghèo: *(chi tiết danh mục tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết).*
2. Đối tượng và mức hỗ trợ

- a) Đối tượng 1: mức hỗ trợ 40.000.000 đồng/người.
 - b) Đối tượng 2: mức hỗ trợ 30.000.000 đồng/người.
 - c) Đối tượng 3: mức hỗ trợ 20.000.000 đồng/người.
 - d) Đối tượng 4: mức hỗ trợ 15.000.000 đồng/người.
 - đ) Đối tượng 5: mức hỗ trợ 10.000.000 đồng/người.
3. Số lần hỗ trợ: 01 lần/người.

Điều 10. Chế độ thanh toán thuốc đặc trị, thuốc biệt dược và thực phẩm bảo vệ sức khỏe theo chỉ định của Hội đồng chuyên môn bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ cấp tỉnh và bác sỹ tại bệnh viện tuyến trung ương

- 1. Mức hỗ trợ cho Đối tượng 1: thực hiện theo nguyên tắc thanh toán trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh, căn cứ vào chứng từ thanh toán hợp pháp và hợp lệ.
- 2. Mức hỗ trợ cho Đối tượng 2: không quá 15.000.000 đồng/người/năm.
- 3. Mức hỗ trợ cho Đối tượng 3: không quá 5.000.000 đồng/người/năm.
- 4. Mức hỗ trợ cho Đối tượng 4: không quá 3.000.000 đồng/người/năm.
- 5. Mức hỗ trợ cho Đối tượng 5: không quá 1.000.000 đồng/người/năm.
- 6. Đối với thuốc đặc trị, thuốc biệt dược và thực phẩm bảo vệ sức khỏe phát sinh ngoài danh mục trúng thầu của các bệnh viện, trung tâm y tế được mua trực tiếp và thanh toán theo giá trị thực tế trên cơ sở: đơn thuốc chỉ định của bác sỹ, hóa đơn mua thuốc (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng) và Biên bản họp của Hội đồng chuyên môn bảo vệ sức khỏe cán bộ tỉnh. Thanh toán từ nguồn kinh phí của Sở Y tế cấp hàng năm cho các bệnh viện, trung tâm y tế không vượt định mức quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều này.

Điều 11. Chế độ hỗ trợ khám sức khỏe định kỳ

- 1. Đối tượng 1
 - a) Mức hỗ trợ: không quá 10.000.000 đồng/người/đợt (ngoài kinh phí do Trung ương chi trả, bao gồm: tiền hỗ trợ khám ngoài danh mục của Trung ương, tiền ăn, tiền ngủ và các chi phí phát sinh khác);
 - b) Số lần khám: 02 lần/năm.
- 2. Đối tượng 2
 - a) Mức hỗ trợ: không quá 15.000.000 đồng/người (bao gồm: tiền dịch vụ kỹ thuật khám sức khỏe, tiền ăn, tiền ngủ và các chi phí phát sinh khác);
 - b) Số lần khám: 01 lần/năm.
- 3. Đối tượng 3
 - a) Mức hỗ trợ: 3.000.000 đồng/người.
 - b) Số lần khám: 01 lần/năm.
- 4. Đối tượng 4

a) Mức hỗ trợ: 2.000.000 đồng/người.

b) Số lần khám: 01 lần/năm.

5. Đối tượng 5

a) Mức hỗ trợ: 1.000.000 đồng/người.

b) Số lần khám: 01 lần/năm.

Điều 12. Chế độ hỗ trợ khám sức khỏe trước khi bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu cán bộ ứng cử

1. Đối tượng áp dụng: các trường hợp bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, giới thiệu ứng cử hoặc đề nghị chỉ định vào các chức danh cán bộ diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý theo quy định về phân cấp quản lý cán bộ.

2. Cơ sở khám sức khỏe: cơ sở khám bệnh, chữa bệnh do Sở Y tế lựa chọn.

3. Mức hỗ trợ: 100% kinh phí khám sức khỏe và chi phí phát sinh theo chỉ định của bác sỹ hoặc yêu cầu của Hội đồng chuyên môn bảo vệ sức khỏe cán bộ tỉnh.

Điều 13. Chế độ hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức làm nhiệm vụ bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ

1. Thành viên Hội đồng chuyên môn bảo vệ sức khỏe cán bộ tỉnh (do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định, số lượng thành viên tối đa 18 người) được hưởng chế độ hỗ trợ: 1.170.000 đồng/người/tháng.

2. Viên chức, bác sỹ, nhân viên y tế thuộc khoa Bảo vệ sức khỏe cán bộ hoặc bộ phận được giao nhiệm vụ trực tiếp và thường xuyên thực hiện công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ được hưởng chế độ hỗ trợ: 700.000 đồng/người/tháng.

3. Thành viên Hội đồng chuyên môn bảo vệ sức khỏe cán bộ tỉnh tham gia hội chẩn ca bệnh được hưởng chế độ hỗ trợ:

a) Chủ trì hội chẩn: 700.000 đồng/người/ca;

b) Tiến sĩ, Bác sỹ chuyên khoa cấp II, Thạc sỹ, Bác sỹ chuyên khoa cấp I, Dược sỹ chuyên khoa cấp II, Dược sỹ chuyên khoa cấp I: 590.000 đồng/người/ca;

c) Các bác sỹ, dược sỹ: 350.000 đồng/người/ca.

4. Các bác sỹ, nhân viên trực tiếp tham gia khám sức khỏe định kỳ đối với các đối tượng thuộc diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý

a) Bác sỹ: 700.000 đồng/người/ngày;

b) Nhân viên: 470.000 đồng/người/ngày.

5. Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động đưa, đón, phục vụ Đối tượng 1 đi khám, chữa bệnh ngoài tỉnh: hỗ trợ 1.000.000 đồng/người/ngày (không bao gồm tiền thanh toán theo chế độ công tác phí theo quy định hiện hành).

6. Cán bộ, viên chức đang công tác tại các bệnh viện được các đơn vị y tế thực hiện khám sức khỏe mời tham gia hỗ trợ hội chẩn và kết luận khám sức khỏe định kỳ.

a) Các cán bộ, viên chức có học hàm là Giáo sư, Phó giáo sư và đối với cán bộ là người đảm nhận các chức vụ Giám đốc bệnh viện, Phó giám đốc bệnh viện phụ trách chuyên môn, mức hỗ trợ: 7.020.000 đồng/người/đợt;

b) Các cán bộ, viên chức có học vị là Tiến sĩ, Bác sĩ chuyên khoa cấp II, Thạc sĩ, Bác sĩ chuyên khoa cấp I, Dược sĩ chuyên khoa cấp II, Dược sĩ chuyên khoa cấp I, mức hỗ trợ: 5.850.000 đồng/người/đợt;

c) Tiền ăn, tiền xe đưa, đón, vé máy bay (nếu có), thuê phòng nghỉ: thanh toán theo chế độ công tác phí hiện hành.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Nguồn kinh phí thực hiện

Từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước hiện hành.

Điều 15. Sửa đổi, bổ sung Quy định

Trong quá trình triển khai thực hiện Quy định này nếu gặp khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị có ý kiến bằng văn bản (qua Sở Y tế) đề tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét trình Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp